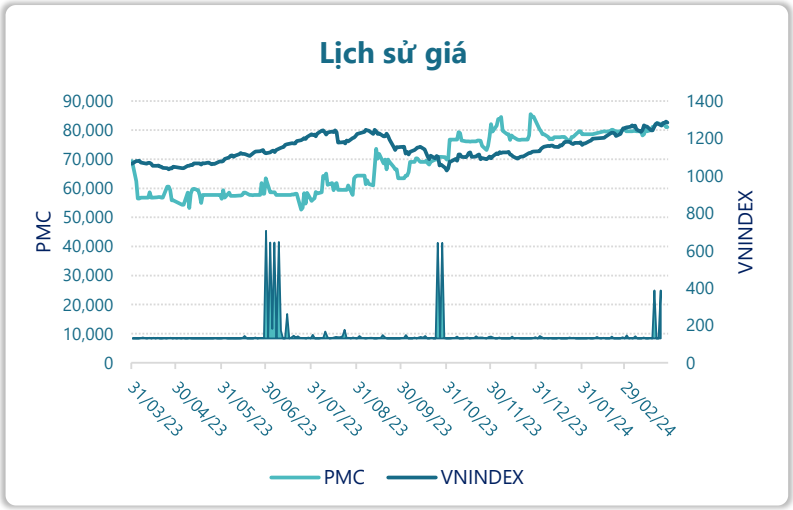
FireAnt

CTCP Dược phẩm dược liệu Pharmedic (HNX: PMC)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**81,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	85,496
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	52,642
SL cổ phiếu LH	9,332,573
KLGD BQ 20 phiên (CP)	925
% sở hữu nước ngoài	3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	756
P/E	9.1
EPS	8,905

DT thuần

Q1/24

101

tỷ VNĐ

QoQ: ▼31.0| -23.3%

YoY: ▼2.00| -1.7%

LN sau thuế

Q1/24

14.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.0| -40.5%

YoY: ▼0.50| -3.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

21.6%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2023

485

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.0| 2.7%

LN sau thuế

2023

83.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.20| 0.2%

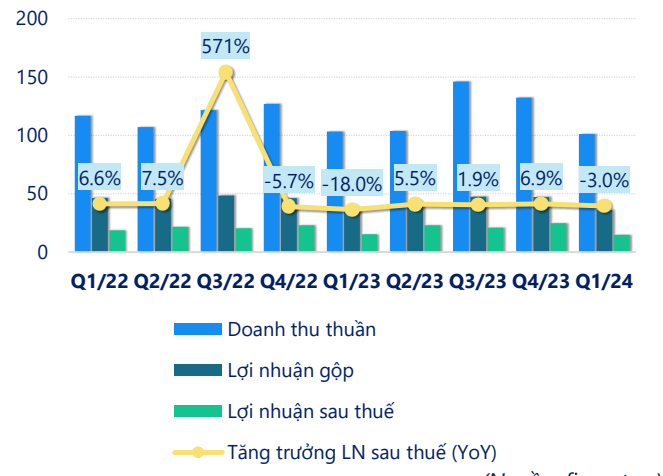
ROE

2023

21.7%

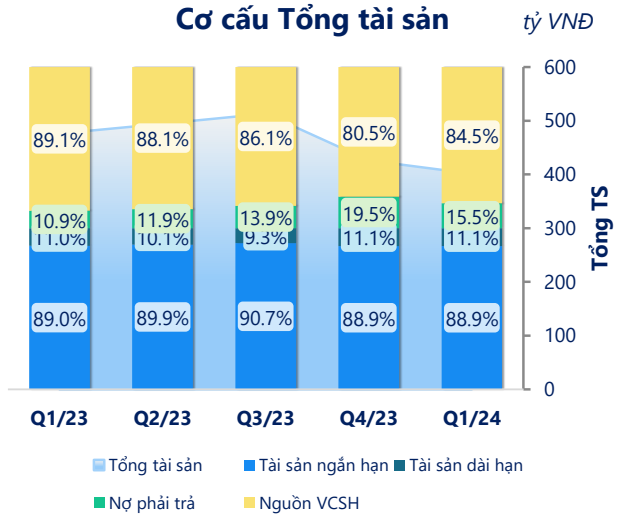
+/- YoY: ▲ 1.2%

Kết quả kinh doanh



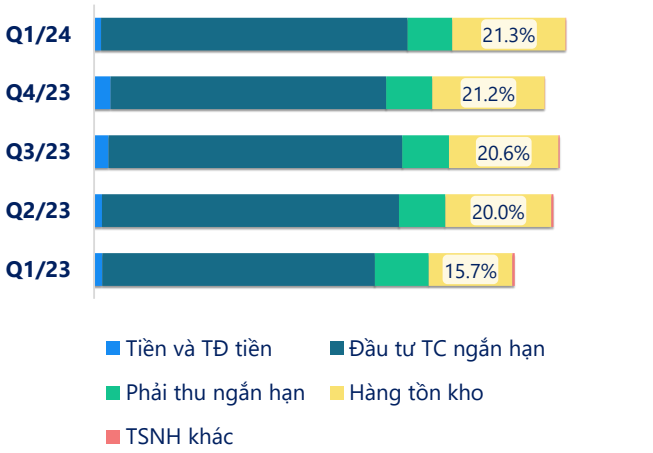
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



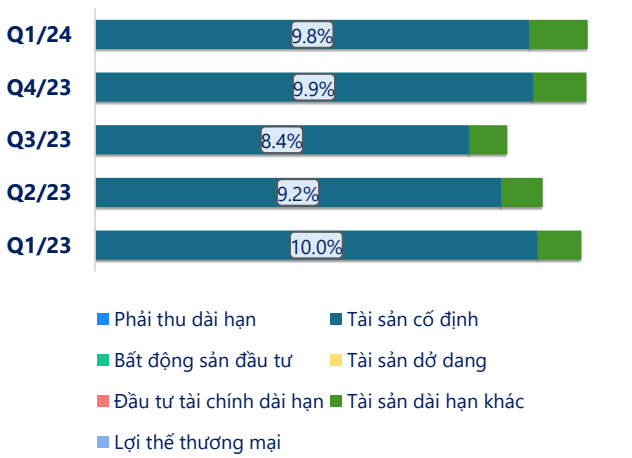
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



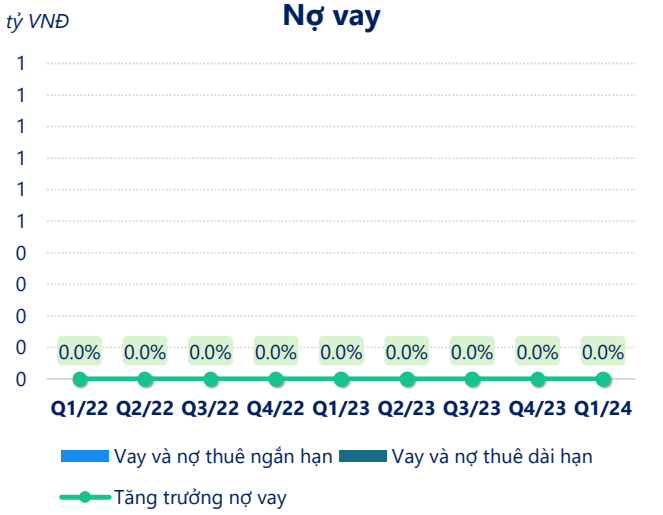
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



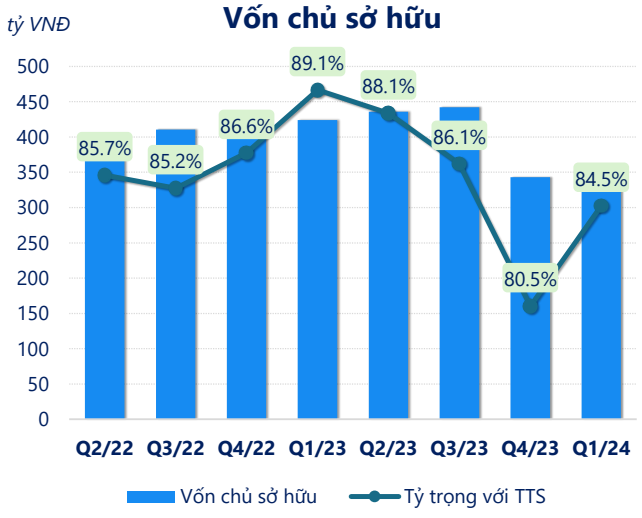
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



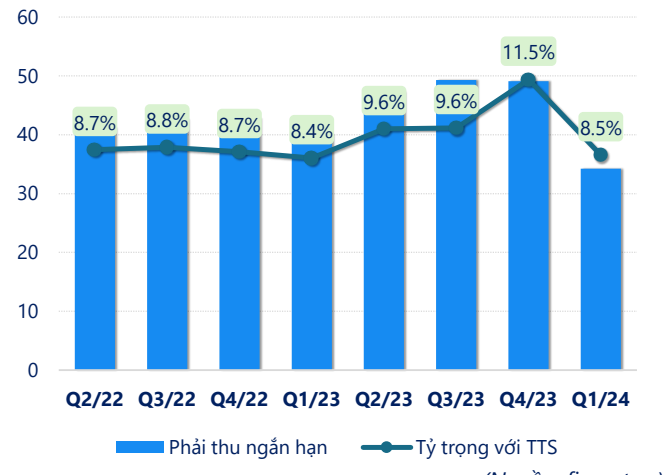
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



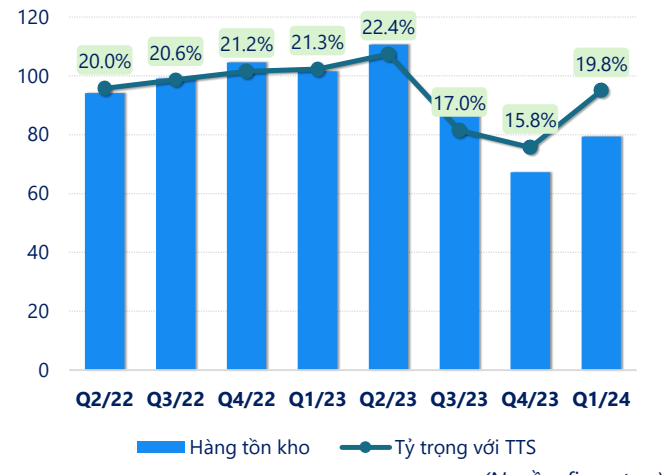
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



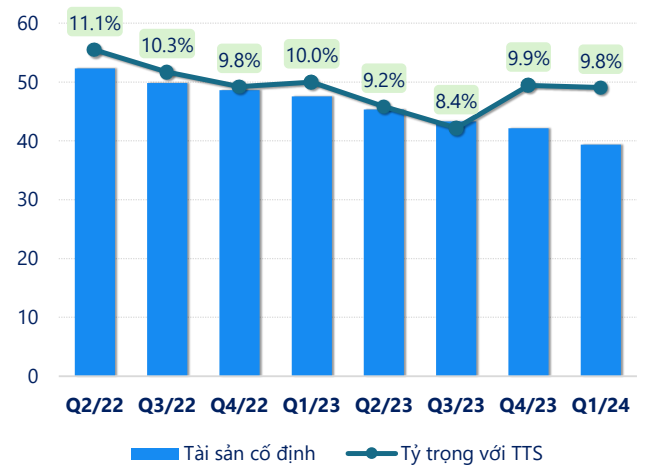
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



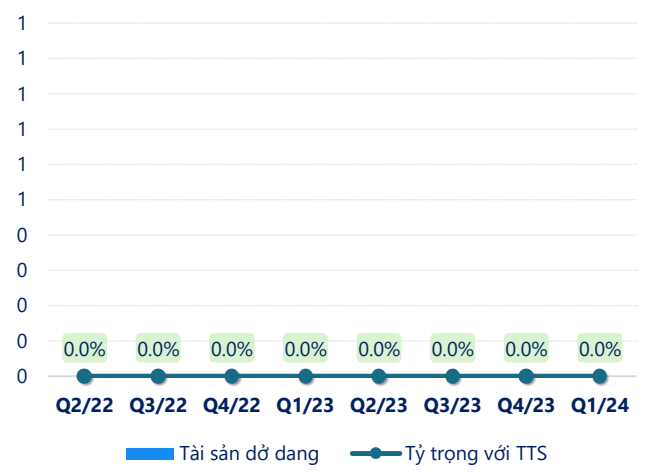
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



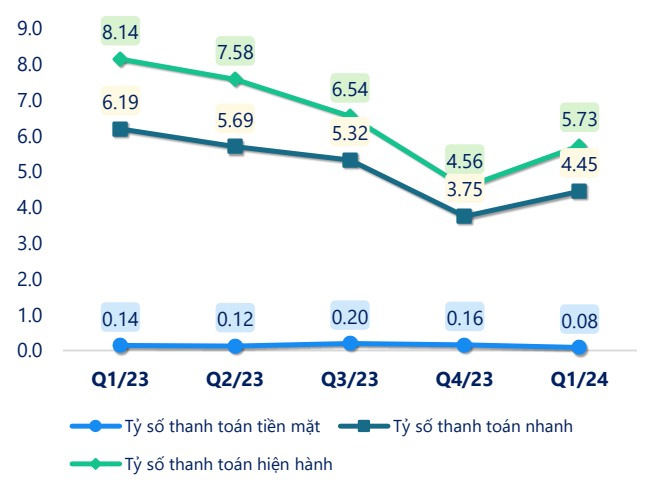
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



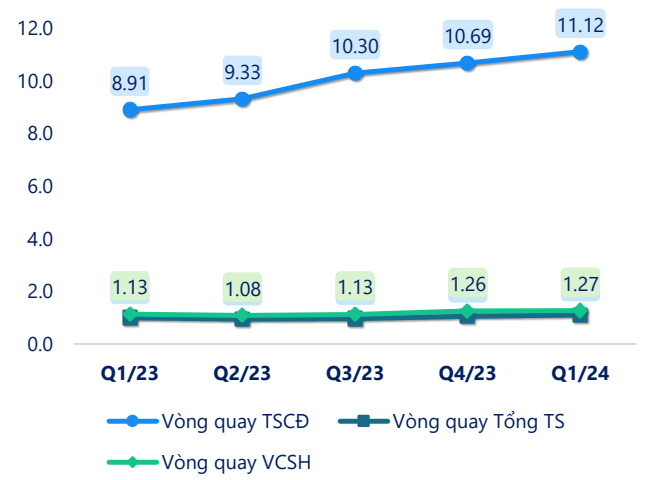
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**476**	**494**	**513**	**426**	**401**
Tài sản ngắn hạn	**424**	**444**	**465**	**379**	**357**
Tiền và tương đương tiền	7.38	7.31	13.9	13.3	5.26
Đầu tư tài chính ngắn hạn	274	278	315	249	238
Phải thu ngắn hạn	40.0	47.3	49.3	49.1	34.2
Hàng tồn kho	102	111	87.1	67.2	79.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.41	1.25	0.62	0.45	0.33
Tài sản dài hạn	**52.2**	**50.0**	**47.8**	**47.3**	**44.6**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	47.6	45.3	43.3	42.1	39.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.68	4.66	4.45	5.16	5.25
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**52.0**	**58.6**	**71.1**	**83.2**	**62.3**
Nợ ngắn hạn	**52.0**	**58.6**	**71.1**	**83.2**	**62.3**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	16.2	16.5	14.2	12.7	19.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**424**	**436**	**442**	**343**	**339**
Vốn chủ sở hữu	**424**	**436**	**442**	**343**	**339**
Vốn điều lệ	93.3	93.3	93.3	93.3	93.3
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)